

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH
BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09 /2025/DS-ST
Ngày 24-3-2025
V/v: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THẾ, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nông Thị Liên.

2. Ông Dương Ngô Phiên .

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 24-03-2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thế mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 133/2024/TLST-DS, ngày 01 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2025/QĐXXST-DS ngày 24/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2025/QĐST-DS ngày 24/02/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thân Thị T, sinh năm 1968 - (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Bị đơn: Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1969 - (có mặt);

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1965 - (có đơn xin vắng mặt);

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

2. Chị Thân Thị T1, sinh năm 1980 - (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện, lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay chị Thân Thị T trình bày:

Chị có quen biết với anh Đỗ Văn K là người cùng xã Đ. Ngày 20/4/2024 chị có cho anh K vay số tiền là 93.000.000đ (chín mươi ba triệu đồng), hẹn ngày 20/5/2024 anh K trả, hai bên không thỏa thuận gì về lãi suất. Tuy nhiên đến hạn chị đòi nhiều lần anh K đều trả lời không có tiền trả vì thế chị khởi kiện ra Tòa án nhân dân huyện Yên Thế.

Quá trình tiếp cận tài liệu chứng cứ chị được biết anh K trình bày ý kiến cho rằng chị cho anh K vay một khoản từ ngày 20/7/2021 vay 30.000.000đ thỏa thuận lãi miệng 1.500đ/1triệu/ngày, hạn trả 20/8/2021, sau khi anh K không trả được thì chuyển cả gốc và lãi cho là 45.000.000đ rồi lập giấy vay tiền mới. Đến ngày 20/4/2024 chuyển cả gốc và lãi thành 93.000.000đ và giữa hai bên lại lập Hợp đồng cho vay tiền mới (như chị cung cấp cho Tòa án), hạn trả ngày 20/5/2024 và vẫn thỏa thuận lãi 1.500đ/1triệu/ngày, tuy nhiên anh K đều không có tài liệu nào chứng minh việc chị tính lãi để chuyển số tiền lên như anh K trình bày, chị xác định 02 hợp đồng cho vay mà anh K cung cấp cho Tòa án với các khoản tiền trên là những khoản vay cũ trước đây chị có cho anh K vay nhưng anh K đã thanh toán xong, không liên quan đến khoản tiền 93.000.000đ hiện nay chị khởi kiện.

Quá trình cho anh K vay tiền, chị Thân Thị T1 (là vợ anh K) và chồng chị là anh Nguyễn Văn H đều không liên quan, việc vay chỉ giữa chị và anh K nên nay chị yêu cầu như sau:

Yêu cầu anh Đỗ Văn K trả số tiền gốc là 93.000.000đ đồng và tiền lãi suất chậm trả trên nợ gốc 93.000.000đ tính từ ngày 21/5/2024 đến ngày Tòa án tuyên bản án sơ thẩm theo mức lãi suất là 10%/năm và lãi suất chậm trả theo quy định pháp luật kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi anh K trả hết số tiền còn nợ, ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/12/2024 chị T yêu cầu một mình anh Đỗ Văn K trả chị số tiền còn nợ là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) và yêu cầu tính lãi là 12.000.000 (Mười hai triệu đồng). Tổng là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng). Nhưng việc chị thay đổi yêu cầu như vậy là để hai bên thống nhất hòa giải và việc tính lãi 12.000.000 đồng cũng dựa trên mức lãi 0.83% cho đến các mốc của hai bên thỏa thuận trả.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T yêu cầu anh Đỗ Văn K trả số tiền gốc là 93.000.000đ đồng và tiền lãi suất chậm trả trên nợ gốc 93.000.000đ tính từ ngày 21/5/2024 với mức lãi suất 0.83%/tháng đến khi anh K trả hết số nợ.

Lời khai có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa ngày hôm nay anh Đỗ Văn K trình bày:

Anh và chị Thân Thị T, sinh năm 1968 địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện Y, tỉnh

Bắc Giang có quen biết nhau do cùng xã. Chị T là người cho vay tiền nên anh có nhiều lần đến vay tiền của chị T để phục vụ công việc cá nhân. Ngày 20/7/2021 vay 30.000.000đ thỏa thuận lãi miệng 1.500đ/1triệu/ngày (không có tài liệu văn bản thể hiện), hạn trả 20/8/2021, anh chỉ trả được 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi, ngoài ra không trả được khoản nào khác. Ngày 20/4/2022 chị T chuyển cả gốc và lãi cho anh là 45.000.000đ rồi lập giấy vay tiền mới, thời hạn 20/5/2022 phải trả, tuy nhiên anh vẫn không trả được. Đến ngày 20/4/2024 chị T chuyển cả gốc và lãi thành 93.000.000đ và giữa hai bên lại lập Hợp đồng cho vay tiền mới (như chị T và anh cung cấp cho Tòa án), hạn trả ngày 20/5/2024 và vẫn thỏa thuận lãi 1.500đ/1triệu/ngày, tuy nhiên là thỏa thuận bằng miệng, không có văn bản giấy tờ nào thể hiện. Anh xác nhận giấy hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2024 mà chị T cung cấp cho Tòa án và chữ ký trong hợp đồng là đúng chữ ký anh và đúng số tiền nợ. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn làm ăn thua lỗ nên từ khi vay đến nay anh chưa trả được khoản tiền nào cho chị T. Tới nay chị T khởi kiện yêu cầu anh phải trả số tiền 93.000.000đ tiền nợ gốc và các khoản lãi kèm theo, anh có đề nghị mong muốn chị T rút đơn để cho anh trả tiền dần, nếu yêu cầu trả ngay hết số tiền, anh không thể trả được. Trường hợp chị T không đồng ý với đề nghị của anh và vụ án phải đem ra xét xử thì đề nghị chị T cho anh xin được miễn tiền lãi, rút yêu cầu lãi và đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết theo quy định.

Đối với việc vay nợ này chỉ giữa anh và chị T ký kết, thỏa thuận, ngoài ra không liên quan đến gia đình anh cũng như người ngoài nào khác, vậy anh sẽ tự mình chịu trách nhiệm theo quy định.

Tại phiên phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 16/12/2024 anh K cho biết:

"Chị T yêu cầu một mình anh trả tiền cho một mình chị T số tiền gốc là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) và lãi là 12.000.000 (Mười hai triệu đồng). Tổng là 105.000.000 đồng (Một trăm linh năm triệu đồng). Nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên anh xin được trả dần và anh sẽ có trách nhiệm thanh toán cho chị Thân Thị T số tiền trên vào các thời điểm:

- Ngày 01/5/2025 anh có trách nhiệm trả chị Thân Thị T số tiền là 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).
- Ngày 01/5/2026 anh có trách nhiệm trả chị Thân Thị T số tiền là 70.000.000 đồng (Bảy mươi triệu đồng).

Trường hợp anh vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ nào trong các phân kỳ trên thì chị Thân Thị T có quyền yêu cầu anh phải thanh toán bộ các phân kỳ trả nợ còn lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, thì ngoài số tiền phải trả người phải thi hành án còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2

Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền"

Nhưng anh K không ký vào biên bản và ra về nên ý kiến của anh K và chị T không được ghi nhận.

Tại phiên tòa anh K xác định chỉ nợ chị T số tiền 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và nếu tính lãi 2%/tháng anh cũng đồng ý trả từ ngày 20/7/2021 anh đồng ý còn nếu tính gốc là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) thì anh không đồng ý tính lãi. Anh K xác định mục đích anh vay 30.0000.000 đồng là để sửa xe còn đối với số tiền 93.000.000 đồng anh ký giấy thì vợ anh không biết. Việc chị T khởi kiện yêu cầu một mình anh trả tiền anh đồng ý một mình anh vay và một mình anh trả không liên quan đến vợ con.

Lời khai có trong hồ sơ vụ án anh Nguyễn Văn H trình bày:

Anh là chồng hợp pháp của chị Thân Thị T. Anh được thông báo về việc thụ lý vụ án và đã nhận được văn bản của Tòa án triệu tập anh làm việc tuy nhiên anh xác định việc vay nợ 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) giữa chị T và anh K anh không biết và không liên quan, anh không có quyền lợi gì trong khoản tiền đó, đó là tiền riêng của chị T tự cho anh K vay. Anh H xin giải quyết vắng mặt và đề nghị Tòa án tiến hành tố tụng vụ án vắng mặt anh.

* Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng chị Thân Thị T1 không có văn bản ghi nhận ý kiến trong hồ sơ vụ án.

* Tại biên bản xác minh ngày 11/11/2024 được địa phương cho biết như sau: Anh Đỗ Văn K và chị Thân Thị T1 là vợ chồng hợp pháp và là công dân có hộ khẩu thường trú và sinh sống ở thôn T, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay cả hai vợ chồng đều vẫn ở địa phương, không có ai đi nước ngoài hoặc đi làm xa ít khi về. Gia đình anh K không thuộc gia đình chính sách hộ nghèo, cận nghèo.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là chị Thân Thị T, bị đơn là anh Đỗ Văn K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn H đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Thân Thị T1 chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thế đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273; khoản 3 Điều

144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 470, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 ; Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao. Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Đỗ Văn K phải có trách nhiệm trả chị Thân Thị T số tiền 100.796.190 đồng (Một trăm triệu, bảy trăm chín sáu nghìn, một trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) và tiền lãi là 7.796.190 đồng (bảy triệu, bảy trăm chín sáu nghìn, một trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ, anh Đỗ Văn K còn phải trả chị Thân Thị T lãi suất 0.83%/tháng tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Ngoài ra kiểm sát viên còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] . Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Thân Thị T khởi kiện yêu cầu anh Đỗ Văn K trả tiền còn nợ nên đây là quan hệ pháp luật về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, anh K có địa chỉ cư trú tại huyện Y nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang.

Anh Nguyễn Văn H có đơn xin vắng mặt; chị Thân Thị T1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H và chị T1.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra ngày 20/4/2024 nên cần áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự 2015 để giải quyết theo quy định tại Điều 689 của Bộ luật dân sự 2015.

[2]. Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Thân Thị T về việc yêu cầu anh Đỗ Văn K trả nợ, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về trách nhiệm trả nợ: Theo hợp đồng vay tiền mặt ngày 20/4/2024 thể hiện anh Đỗ Văn K vay của chị Thân Thị T số tiền gốc là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng). Thời hạn vay từ ngày 20/4/2024 đến ngày 20/5/2024. Lãi

suất: Thỏa thuận và không ghi nhận rõ trong hợp đồng là mức lãi suất là bao nhiêu. Chị T, anh K đều thừa nhận chữ ký, chữa viết " K, Đỗ Văn K" ở mục bên vay là chữ ký và chữ viết của anh K.

Trong quá trình làm việc anh K cung cấp thêm 02 tài liệu gồm: Giấy cho vay tiền ngày 20/4/2022 thể hiện anh Đỗ Văn K vay chị Thân Thị T số tiền là 45.000.000 đồng, thời hạn vay là từ 20/4/2022 đến ngày 20/5/2022 và Giấy vay tiền ngày 20/7/2021 thể hiện anh Đỗ Văn K vay chị Thân Thị T số tiền là 30.000.000 đồng, thời hạn vay là từ 20/7/2021 đến ngày 20/8/2021. Nhưng cả 02 tài liệu trên đều là bản phô tô và Tòa án đã yêu cầu nộp tài liệu gốc nhưng anh K không nộp. Đối với 02 tài liệu trên anh K có ý kiến là "Ngày 20/7/2021 vay 30.000.000đ thỏa thuận lãi miệng 1.500đ/1triệu/ngày (không có tài liệu văn bản thể hiện), hạn trả 20/8/2021, anh chỉ trả được 1.200.000đ (một triệu hai trăm nghìn đồng) tiền lãi, ngoài ra không trả được khoản nào khác. Ngày 20/4/2022 chị T chuyển cả gốc và lãi cho anh là 45.000.000đ rồi lập giấy vay tiền mới, thời hạn 20/5/2022 phải trả, tuy nhiên anh vẫn không trả được. Đến ngày 20/4/2024 chị T chuyển cả gốc và lãi thành 93.000.000đ và giữa hai bên lại lập Hợp đồng cho vay tiền mới (như chị T và anh cung cấp cho Tòa án), hạn trả ngày 20/5/2024 và vẫn thỏa thuận lãi 1.500đ/1triệu/ngày, tuy nhiên là thỏa thuận bằng miệng, không có văn bản giấy tờ nào thể hiện". Còn chị T có ý kiến: "anh K trình bày ý kiến là anh K vay một khoản từ ngày 20/7/2021 vay 30.000.000đ thỏa thuận lãi miệng 1.500đ/1triệu/ngày, hạn trả 20/8/2021, sau khi anh K không trả được thì chuyển cả gốc và lãi cho là 45.000.000đ rồi lập giấy vay tiền mới, Đến ngày 20/4/2024 chuyển cả gốc và lãi thành 93.000.000đ và giữa hai bên lại lập Hợp đồng cho vay tiền mới (như chị cung cấp cho Tòa án), hạn trả ngày 20/5/2024 và vẫn thỏa thuận lãi 1.500đ/1triệu/ngày, tuy nhiên anh K đều không có tài liệu nào chứng minh việc chị tính lãi để chuyển số tiền lên như anh K trình bày, chị xác định 02 hợp đồng cho vay mà anh K cung cấp cho Tòa án với các khoản tiền trên là những khoản vay cũ trước đây chị có cho anh K vay nhưng anh K đã thanh toán xong, không liên quan đến khoản tiền 93.000.000đ hiện nay chị khởi kiện".

Hội đồng xét xử xét thấy việc anh K nói chị T tính lãi với mức lãi suất là 1.500đ/1triệu/ngày từ khoản nợ gốc ban đầu của anh là 30.000.000 đồng đến ngày 20/4/2024 là 93.000.000 đồng nhưng không có tài liệu hay chứng cứ gì thể hiện nên không có căn cứ để chấp nhận. Mặt khác cả anh K, chị T đều thừa nhận việc ký hợp đồng vay tiền ngày 20/4/2024. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của các đương sự. Hội đồng xét xử thấy việc anh K nợ tiền của chị T với số tiền 93.000.000 đồng (chín mươi ba triệu đồng) là có thật cần chấp nhận.

Chị T và anh K, anh H đều thừa nhận khoản tiền 93.000.000 đồng là tiền vay riêng giữa chị T và anh K không liên quan gì đến anh Nguyễn Văn H là chồng

của chị Thân Thị T và không liên quan gì đến chị Thân Thị T1 là vợ của anh Đỗ Ngọc K1 nên Hội đồng xét xử xác định đây là khoản nợ riêng giữa chị T và anh K1 không liên quan đến anh H, chị T1.

- Về số tiền lãi:

Chị T yêu cầu tính lãi từ ngày 21/5/2024 với mức lãi 0.83%/tháng đến khi anh K1 trả hết nợ. Lời khai của chị T, anh K1, hợp đồng vay cùng tài liệu có trong hồ sơ vụ án thể hiện việc vay nợ là không có lãi suất và thời hạn trả nợ là ngày 20/5/2024. Do đến thời hạn trả nợ mà anh K1 không trả tiền ngay cho chị T nên việc chị T đòi tiền lãi chậm trả đối với số tiền còn nợ kể trên từ sau ngày kết thúc hạn trả nợ là có căn cứ. Chị T yêu cầu tính lãi 0.83% kể từ ngày 21/5/2024 đến khi trả hết nợ. Yêu cầu tính lãi của chị T là có căn cứ theo quy định tại Điều 357, Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử xét thấy lãi suất anh K1 phải trả chị T đối với khoản nợ 93.000.000 đồng là 0.83%/tháng từ 21/5/2024 đến khi xét xử sơ thẩm 24/03/2025, là 10 tháng 03 ngày tương ứng với số tiền lãi là: $93.000.000 \text{ đồng} \times (10 \text{ tháng}) \times 0.83\%/\text{tháng} + (93.000.000 \text{ đồng} \times 0.83\%/\text{tháng})/30 \text{ ngày} \times (03 \text{ ngày}) = 7.796.190 \text{ đồng}$ (bảy triệu, bảy trăm chín sáu nghìn, một trăm chín mươi nghìn đồng).

Tổng số tiền gốc và lãi anh Đỗ Văn K phải có trách nhiệm trả chị Thân Thị T là: $93.000.000 \text{ đồng} + 7.796.190 \text{ đồng} = 100.796.190 \text{ đồng}$ (Một trăm triệu, bảy trăm chín sáu nghìn, một trăm chín mươi nghìn đồng).

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án : Yêu cầu khởi kiện của chị T được chấp nhận nên không phải chịu tiền án phí. Anh Đỗ Văn K phải chịu 5.039.810 đồng (Năm, không trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm mười đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 207; khoản 1, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271; Điều 273; khoản 3 Điều 144; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463; Điều 466; Điều 470, Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ Điều 5 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao.

Căn cứ Điều 27, Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc anh Đỗ Văn K phải có trách nhiệm trả chị Thân Thị T số tiền 100.796.190 đồng (Một trăm triệu, bảy trăm chín sáu nghìn, một trăm chín mươi nghìn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 93.000.000 đồng (Chín mươi ba triệu đồng) và tiền lãi là 7.796.190 đồng (bảy triệu, bảy trăm chín sáu nghìn, một trăm chín mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ, anh Đỗ Văn K còn phải trả chị Thân Thị T lãi suất 0.83%/tháng tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

2. Về tiền án phí: Chị Thân Thị T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả chị Thân Thị T số tiền 2.475.000 đồng (Hai triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0005082 ngày 27/9/2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế thu.

Anh Đỗ Văn K phải chịu 5.039.810 đồng (Năm, không trăm ba mươi chín nghìn, tám trăm mười đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2- Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 - Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 - Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Yên Thế;
- THA huyện Yên Thế;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Hồng